

## LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

Kinh Trung Bộ số 091

[25/10/2023 - 08:27 - ngoc\_ngopham]

Trung Bộ Kinh số 91 - Kinh Brahmāyu

Kính thưa các vị tu nữ, kính thưa các Phật tử hiện diện. Chúng ta có thêm một nhân duyên để học tiếp bài Kinh Trung bộ thứ hai - đó là bài Kinh Trung bộ số 91.

Rất nhiều lần chúng tôi nói rằng trong Kinh Dịch nói rằng: “ Mọi việc ở đời có nhiều góc độ để ta quan sát và từ đó cũng có nhiều cấp độ để ta đánh giá, nhận xét.” Tức là nhiều góc độ chưa đủ mà phải còn từ nhiều cấp độ nữa.

Như tôi vừa nói, Kinh Dịch nói có một thuật ngữ là Hình duyên thượng, có nghĩa là khả năng quan sát một sự vật, một sự việc vượt khỏi hình thức ước lệ bên ngoài của nó.

Ví dụ như cái bàn, mình nhìn thấy cái bàn có bốn chân hoặc ba chân, ở trên có một mặt gỗ và có vài ngăn kéo. Nếu nhìn thoáng qua, mình chỉ thấy có một khối gỗ vuông không có gì hết. Tiếp theo ta quan sát sẽ thấy có những ngăn bên dưới cái bàn. Nhưng Hình duyên thượng là sao? Là một cách nhìn, một sự quan sát cái bàn vượt khỏi cái hình thức của cái bàn, có nghĩa là mình hiểu ngầm cái bàn này là chỗ chứa văn thư, giấy tờ,...; cái bàn này bằng gỗ quý; cái bàn này có giá trị không dưới một tỷ đồng; cái bàn này đồ cổ, tuổi thọ không dưới 100 năm; cái bàn này với kiến thức của chúng ta với những hoa văn, họa tiết trên đó cho ta biết bàn này được làm trong hoàng cung làm đồ đựng chén... Những sự quan sát đó gọi là Hình duyên thượng.

Cũng vậy, một bài Kinh, một bài Thơ hay một nhạc khúc cũng cần được quan sát ở nhiều góc độ như vậy.

Tôi ví dụ như Việt nam có một câu: “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh.” Cô giáo hỏi học trò: “Các em nghĩ sao về câu này?”. Có học sinh trả lời: “Giặc ác lắm, nó đến nhà, đàn bà nó cũng đánh luôn.”

Câu thứ hai “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.” Các em nhìn lên mặt chữ, các em trả lời thế này: “Con ngựa này là con ngựa Trung quốc của vua, con ngựa đó đau, cả ‘tàu’ bỏ cỏ.”

Tôi ví dụ cũng câu nói trên, tùy vào dấu chấm, phẩy; tùy vào vốn liếng văn hóa của chúng ta mà chúng ta đánh giá, nhận xét câu thơ đó, bài ca đó, ca từ đó ra sao.

Hôm nay chúng ta học bài Kinh số 91, nếu chỉ đơn giản nói trên mặt chữ, nội dung là thế này:

Một ông Bà-la-môn rất nổi tiếng, sống được 120 tuổi, nhờ người đến gặp Phật để quan sát xem Phật có đúng như là một Bậc Đại Giác như là mình đã nghe hay không? Quan sát bằng cách nào? Vì Đại Giác là ở tinh thần chứ đâu phải Đại Giác ở bên ngoài để xem. Ông Bà-la-môn Brahmāyu cho đệ tử đến quan sát Đức Phật xem Đức Thế Tôn có đủ 32 Tướng tốt hay không? Và trong Kinh nói, người đệ tử này chẳng những đến quan sát một lần mà còn đến lặng lẽ theo dõi, âm thầm quan sát Đức Thế Tôn nhiều ngày sau đó và trở về thưa với sư phụ rằng: “Sa-môn Cồ-Đàm đúng là có những Tướng của một Bậc Đại nhân. Chẳng những vậy, qua quan sát của con, Sa-môn Cồ-Đàm có những phong thái, có những tư cách thế này, thế này...”

Chẳng hạn như các vị có thể xem trong Kinh là “Sa-môn Cồ-Đàm có đủ 32 Tướng tốt.” 32 Tướng tốt là sao? Thời lượng không có nhiều, chỉ có hai tiếng nên chúng tôi chỉ nói vắn tắt 32 Tướng tốt là thế nào. Tính từ trên đầu tính xuống:

- Tóc của Thế Tôn, tất cả các sợi, mỗi sợi đều xoắn về bên phải.

- Cặp mắt của Thế Tôn có màu xanh của một con bê. Chúng ta biết rằng, nói theo nhân chủng học, Đức Thế Tôn là một người Bắc Ấn có nguồn gốc Châu Âu từ vùng biển hồ Kashmir cho nên Đức Thế Tôn đẹp lắm. Hôm nay chúng ta thấy hoa hậu của bộ lạc Kashmir Cho nên dân ở đó - dân Aryan từ vùng biển hồ Kashmir, cho nên Đức Thế Tôn đẹp lắm. Ở trên tóc Ngài xoắn, ở dưới cặp mắt của Ngài màu xanh.

- Tiếp theo đó, Đức Thế Tôn có một hàm răng 40 chiếc trắng như ngọc.

- Môi của Đức Thế Tôn luôn đỏ.

- Thế Tôn có cái cằm của con sư tử mà người Tàu gọi là hàm én, người Ấn gọi là

Sihahanu - hàm sư tử.

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

- Thân thể của Đức Thế Tôn, những chỗ “hang cua, hang còng” của Thế Tôn đầy đặn.  
- Đức Thế Tôn có một tướng lạ là khi Ngài đứng thẳng người, lòng bàn tay của Ngài có thể xoa đầu gối.

- Đức Thế Tôn nếu muốn có thể le lưỡi chạm đến trán.

- Da của Đức Thế Tôn không bám bụi.

- Lòng bàn chân của Thế Tôn khi Ngài xếp bằng mình mới thấy là bằng phẳng. - Trong Chú giải nói rất rõ, Thế Tôn suốt một đời không có cúi đầu. Mình có đi vào những chỗ thấp, mình phải cúi. Còn Ngài thì không, Thế Tôn luôn đi thẳng, không đi vào những chỗ thấp cho nên cả đời Ngài không cúi đầu.

- Và đặc biệt lòng bàn chân của Thế Tôn, dầu Ngài có dẫm lên chỗ nào, tự động bàn chân của Ngài có khả năng đàn hồi để không làm cho Ngài bị đau.

Dĩ nhiên hôm nay, trong não trạng của chúng ta hôm nay, có thể ta không tin nhưng đó là chuyện bình thường. Vì sao? Vì cấu trúc sinh học của chúng ta mỗi người mỗi khác. Có người hút thuốc thoải mái 90 tuổi không sao hết, có người chỉ nghe ké thôi 70 tuổi ung thư. Cơ cấu sinh học của chúng ta không giống nhau, Thế Tôn cũng vậy, do phước lành nhiều đời ... nên Thế Tôn có cơ cấu sinh học mà người thường không có.

Cái đó chỉ là vẻ bề ngoài không đáng kể, cái ghê gớm chỗ này, trong sinh hoạt của Thế Tôn luôn luôn chuẩn mực và chính xác trên cả tuyệt vời. Khi Thế Tôn bước vào một hội chúng, Thế Tôn ngồi xuống, Thế Tôn không có dáng vẻ của người chán ghét hội chúng và thích thú hội chúng. Các vị nghe kịp không?

Ví dụ, khi tôi xuống đây tôi ngồi, tôi thấy các vị nhìn tôi các vị chán là bắt đầu tôi nản, mà tôi nản thì vạn sự khởi đầu nan, gian nan bắt đầu nản, càng nản càng gian nan. Bắt đầu tôi nhìn các vị chán tôi và tôi cũng chán quý vị, cái chán của tôi nó toát ra ngay ở trong cách nói năng, ánh mắt, cử chỉ ngay cả trong giọng nói của tôi.

Thế Tôn thì không, Thế Tôn không để cho hội chúng thấy là Thế Tôn thích thú hay chán ghét hội chúng này. Khi Thế Tôn có lia bỏ một hội chúng, Ngài không để cho người ta có cảm giác Ngài muốn lia bỏ hội chúng này hay lưu luyến hội chúng này.

Đặc biệt, khi Thế Tôn ngồi xuống hay đứng dậy, bao giờ cũng bắt đầu bằng chân phải, chính xác như vậy. Và khi Thế Tôn nằm xuống an nghỉ, Thế Tôn biết rõ mình đang nằm và nghỉ đến lúc ngồi dậy, Thế Tôn luôn luôn tỉnh thức. ĐIỂM ĐẶC BIỆT của Đức Phật là luôn luôn từ mẫn và chánh niệm.

Khi Thế Tôn đến nhà cư sĩ nhận thức ăn, Ngài chỉ nhận vừa đủ, không thiếu, không dư; dùng từ trên dùng xuống chứ không lựa như mình. Ăn như vậy mới đúng là ăn để nuôi thân, còn mình ăn cho sướng cái miệng. Từ đó dẫn đến những cái cực đoan, có những vị sư, thọ đầu đà, trộn cả bánh canh, canh chua và chè đậu xanh vào bát để múc ăn. Thực ra, theo chúng tôi, có sự hiểu lầm, Thế Tôn không trộn như vậy mà Thế Tôn ăn lần lượt từ trên xuống. Trước hết, cái gì nằm ở trên Ngài ăn trước, miếng bánh da lợn, miếng chả giò, miếng cà ri, tiếp đó miếng cơm trắng, tiếp đó chè đậu xanh... Ngài không trộn như mình, cái gì cần trộn Thế Tôn trộn. Và khi dùng xong, Thế Tôn rửa tay, rửa bát, bát sạch lúc nào, tay sạch lúc đó. Và Thế Tôn đổ nước rửa bát xuống chỗ để không làm phiền người chủ nhà. Thế Tôn rửa bát nước không văng ra ngoài và không nghe tiếng động.

Thế Tôn sống một cuộc sống chánh niệm, chính xác, chuẩn mực như vậy trong từng động tác nhỏ.

Nội dung bài Kinh không dừng ở đó, nội dung bài Kinh có ba điều rất là quan trọng. Thứ nhất, xác tín niềm tin. Thứ hai, nội dung ... Thứ ba là tinh thần buông bỏ.

Có một chuyện mà chúng ta làm không được. Trong Kinh nói niềm tin của một người Phật tử chúng ta có ba nguồn: nguồn thứ nhất là lūkhappamāṇa, nguồn thứ hai ghosappamāṇa, nguồn thứ ba là dhammappamāṇa.

Lūkhappamāṇa là sao? Lūkha có nghĩa là thanh bản hay đơn giản. Trong Kinh nói rằng có những người học trò tìm đến sư phụ vì thấy sư phụ thanh bản khổ hạnh, bản tăng khổ xả, ăn uống

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

khô cứng, trang phục nâu sồng, chỗ ở đơn giản, thiếu thốn. Thấy như vậy rồi khởi lên niềm tin, trường hợp như vậy trong Kinh gọi là Lūkhappamāṇa - Ppamāṇa là ‘measure, measurement’, cân đong, đo lường. Đánh giá một người thông qua hình thức thanh bần, giản dị của người đó gọi là Lūkhappamāṇa.

Trường hợp thứ hai gọi là ghosappamāṇa. Tức là chúng ta đến với một người không phải là vì hình thức mà vì tiếng tăm của người đó. Ví dụ như hôm nay chúng ta nghe nói có Đức Dalai Lama đến, quý vị đến, không biết Ngài giảng các vị có nghe được hay không, chuyện đầu tiên là nghe tiếng của Ngài là các vị tới. Rồi trường hợp nữa là Hòa thượng Nhất Hạnh, hoặc như Hòa thượng Thích Thanh Từ, nếu chiều nay các vị nghe có những vị đó ghé đây, các vị tới vì nghe tiếng của Ngài, trường hợp đó gọi là ghosappamāṇa.

Trường hợp thứ ba là dhammappamāṇa, là không đánh giá một người dựa trên hình thức, không đánh giá một người dựa trên tiếng tăm mà chỉ đến với một người là vì Pháp mà mình học được từ họ, Pháp mà mình thấy từ họ, Pháp mà mình cảm nhận được ở họ. Trường hợp đó được gọi là dhammappamāṇa.

Như vậy, chúng ta có ba cách để đến với một vị Sư, một vị Thầy, một Tôn giáo. Một là hình thức của cá nhân, đoàn thể đó. Thứ hai chúng ta đến vì tiếng tăm của cá nhân đó, tổ chức đó, đoàn thể đó. Và thứ ba chúng ta đến vì giá trị tâm linh mà mình cảm nhận được từ cá nhân, từ đoàn thể, từ tổ chức đó.

Sách cũng vậy, những cuốn sách được gọi là best-seller là những cuốn được bán chạy nhất. Người ta làm một cuộc thăm dò và nhận ra một chuyện thú vị, những người mua cuốn sách đó vì thấy hay, thú vị không có nhiều; những người mua vì họ nghe báo nói best-seller nên hè nhau mua. Sau này người ta phát hiện ra, lúc mà nó được gọi là best-seller là nó chưa có chạy mà người ta gán cho nó chữ best-seller, lập tức nó được bán chạy.

Cho nên ông Brahmāru theo Kinh này, bước đầu ông đến với Phật vì ông nghe tiếng của Ngài. Sau đó ông cử người đến quan sát cái Dung Nghi, cái Tâm, cái Tướng của Ngài. Sau cùng ông thỉnh Đức Thế Tôn về nghe Pháp, - chỗ này quan trọng - qua bài giảng của Ngài ông nhận ra được bốn Sự Thật.

Sự thật thứ nhất: Mọi thứ ở đời là Khổ, dầu trực hay gián tiếp.

Sự thật thứ hai: Bất cứ niềm đam mê của chúng ta trên đời này cũng là niềm đam mê trong khổ. Đó là Tập đế. Chính vì đam mê trong khổ nên ta mới đầu tư khổ.

Sự thật thứ ba: Muốn hết khổ, phải chấm dứt niềm đam mê trong khổ. Đó chính là Diệt đế.

Sự thật thứ tư: Muốn chấm dứt niềm đam mê trong khổ, phải sống chán sợ trong khổ trên tinh thần Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo nói gọn lại có hai là Chánh Niệm và Chánh Kiến, nói gọn là Niệm và Tuệ.

Ông Brahmāru nhận ra bốn sự thật này, lập tức ông đắc Quả Tu-đà-hườn. Và sau khi buổi trai tăng hoàn mãn, Đức Thế Tôn từ giã ra đi. Ông ở lại, được vài hôm là ông chứng thêm tầng thông A-na-hàm ngay trong lúc hấp hối và sanh về cõi Phạm Thiên.

Bài Kinh vắn tắt chỉ có bao nhiêu đó thôi và bài Kinh có ba nội dung.

Nội dung thứ nhất là Xác tín niềm tin. Muốn tin cái gì, trước hết đừng dựa vào hình thức của nó vì rất dễ bị đánh lừa. Thứ hai, đừng đại khờ mà tin vào tiếng tăm, quảng cáo của ai đó, cảm nhận của một đoàn thể nào đó.

Vì sao? Tôi nói chuyện này, các vị đừng giận. Quần chúng là một lực lượng đáng sợ tuy nhiên đó là một lực lượng dễ dụ. Tôi hỏi thiệt các vị, ở đây có ai không biết đốt giấy vàng mã là tào lao? Ấy vậy mà có bao nhiêu bác sĩ, luật sư cầm đầu đi mua vàng mã về đốt. Vì hồi xưa bà nội đốt, má đốt, chị, cô,...đốt, thế là mua về đốt. Rồi cúng vu lan tháng bảy, xá tội vong nhân...rồi nhiều chuyện khác. Tôi về Hà nội, ghé phố Hàng Mã, tôi nhìn mà ngao ngán... Bao nhiêu đầu trí thức, tốt nghiệp đại học, tốn bao nhiêu cơm cha cơm mẹ, xăng dầu của xã hội... vậy mà vẫn dốt nhau đi trên mê lộ ... Cho nên cần nhớ quần chúng là một lực lượng đáng sợ, nhưng ta đừng để mắc vào hội chứng ảo giác đám đông.

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

Các vị có biết UFO không? Là đĩa bay nhưng thực ra không ai thấy đĩa bay hết. Chỉ có một bà đang ngủ trưa, thức dậy thấy có một ánh sáng lòa nên giựt mình và hét lên “có đĩa bay”. Thế là, thằng Tèo, thằng Tí nghe được, rồi cả xóm đồn là có đĩa bay. Có người đó đi vệ sinh, đi ra thấy có gì lạ nên nói với bạn: “Sao tao khở, tao đi vệ sinh ra cái gì giống cái lông chim.” Thằng bạn đi đồn anh này đi vệ sinh ra một nắm lông chim. Rồi cuối cùng cả xóm đi đồn anh này đi vệ sinh ra nguyên một con chim chỉ bắt đầu từ một vật nghi là sợi lông chim.

Chưa hết. Vào ngày Toàn quốc kháng chiến của Việt nam, đêm khuya có một tiểu đội gồm sáu người đi qua một cái đồn của lính cũ. Anh đi đầu tiên nói nhỏ điều gì với anh thứ hai, anh thứ hai nói nhỏ với anh thứ ba... và khi cả tiểu đội lội qua sông, anh tiểu đoàn trưởng nhìn lại cả tiểu đội chỉ còn cái áo ở trên, ở dưới không mặc gì hết mới làm lạ nên hỏi: “Các đồng chí nghĩ sao mà lội qua sông mặc có một cái áo? Lỡ giặc phát hiện làm sao chạy?”. Họ trả lời: “Báo cáo, lúc nãy em nghe thằng thứ nhất nói là cởi quần cột cổ.” Anh mới hỏi lại: “Tôi nói thế nào mà anh nghe như vậy? Tôi nói là coi chừng rắn hổ.” Anh thứ nhất lại nghe là “coi chừng trái nổ”. Thực ra, anh đầu tiên sợ mấy người sau sụp hố rồi giựt mình la lính nghe... cứ như vậy truyền nhau là “coi chừng rắn hổ, ...” và anh cuối cùng là “cởi quần cột cổ”.

Chuyện không phải chuyện cười mà tôi muốn nói rằng Kinh Phật được truyền đi suốt 25 thế kỷ, chắc chắn đã trải qua rất nhiều lần bị ‘tam sao thất bản’. Có người định nghĩa ‘tam sao thất bản’ là...19:51

[10/11/2023 - 07:39 - ngoc\_ngopham]

Cho nên, nếu biết được chuyện này các vị sẽ giạt mình, các học giả Âu Mỹ gọi Tam Tạng tiếng Pāli là tài liệu nghiên cứu cấp 1. Nhưng nhận xét đó về đến Tích Lan rồi không còn như vậy nữa, rất nhiều học giả Tích Lan xem nhẹ Chú Giải Aṭṭhakathā của Ngài Budhaghosa vì họ cho rằng phần Chú giải Tam Tạng đó được dịch từ tiếng Tích Lan cổ sang tiếng Pāli. Hôm nay muốn hiểu Tam Tạng, chúng ta phải đọc Chú giải mà Chú giải có cái gốc không phải tiếng Pāli mà là tiếng Tích Lan cổ.

Vào thế kỷ thứ 10 Phật Lịch, sau khi Thế Tôn viên tịch được 10 thế kỷ, Ngài Budhaghosa người Nam Ấn - từ Bodhimāṇḍa qua Tích Lan để dịch sang tiếng Tích Lan cổ - Sinhalese. Cho nên những học giả lớn người Tích Lan coi nhẹ bản dịch Chú giải của Ngài Budhaghosa. Trong khi đó ở Thái Lan, Miến Điện rất coi trọng bản Chú giải của Ngài Budhaghosa.

Tại sao tôi đem câu chuyện rất là chuyên môn đó để nói ở đây? Vì tôi muốn nói rằng chúng ta thường nghĩ rằng, những gì Sư phụ mình dạy là số 1 nhưng chúng ta quên rằng, Sư phụ cũng học lại từ Kinh, Sách. Kinh, Sách có nhiều cấp: cấp 1, cấp 2, cấp 3. Ngay cả Kinh điển Pāli được xem là Thánh điển của Phật giáo Nam truyền, Nam tông ... vẫn cứ là tài liệu nghiên cứu cấp 2, bởi vì Kinh điển mà chúng ta đang học được dịch ra từ tiếng Tích Lan cổ. Nói dài dòng như vậy, chúng tôi muốn cho các vị thấy đừng bao giờ vội tin một cá nhân hay một văn bản nào chỉ vì niềm tin hay tình cảm cá nhân.

Ở đây cũng vậy, bài Kinh Brahmāyu là một lời cảnh báo vô cùng quan trọng dạy cho chúng ta rằng, muốn tin một cái gì đó, chúng ta không nên dừng lại ở hai cái đầu tiên: Một là hình thức của cá nhân hay đoàn thể đó; Hai là đừng dừng lại ở tiếng tăm hay lời đồn đại về cá nhân hay đoàn thể đó. Mà ở cái Thứ ba là những giá trị tâm linh, giá trị văn hóa, những giá trị tinh thần mà chúng ta cảm nhận được từ cá nhân, từ tác phẩm, từ công trình, từ đoàn thể đó, cái đó mới xài được. Chưa hết, tôi nói hoài một câu rằng: “Mẹ sinh ra mình tự do tay chân, nhưng lớn lên đi vào đời chúng ta lại tự bỏ tù mình bằng những giá trị ước lệ của văn hóa học đường, của tài liệu sách báo, của những qui định về chính trị, văn hóa, xã hội...” Thế là chúng ta lớn lên, có ăn học chút ít nhưng chúng ta có vô số nhà ngục để giam cầm trong đó.

Ta luôn luôn có thói quen đánh giá vấn đề dựa trên hai thứ nhà ngục, nhà ngục bỏ tù từng người chúng ta: Tù do người và Tù do mình.

Thứ nhất là “Tù do người”, là mình đi học và biết được chút ít về toán, lý, hóa, văn, sử, địa, khảo cổ, chính trị, văn hóa. Thế là những cái biết đó trở thành khuôn vàng thước ngọc. Cái gì không giống với những điều mình học đó trở thành sai, trật. Các vị đi theo Ngài Giác Chánh, những gì

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐỈNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

Ngài nói là khuôn vàng thước ngọc. Mai này ra núi Dinh gặp Ngài Hộ Pháp, mình thấy khác, một là mình sẽ chê Ngài Giác Chánh, hai là mình chê Ngài Hộ Pháp. Ít bữa lên Bửu long gặp Ngài Viên Minh, ra Phước Sơn gặp Ngài Bửu Chánh, về Kỳ viên gặp Ngài Tăng Định, về Vĩnh long gặp Ngài Giác Giới... quá trời Ngài luôn. Thế là mình rơi vào mê hồn trận của các Ngài mà các vị quên một chuyện rất quan trọng là ý kiến nào cũng mang dấu ấn cá nhân. Các vị đến hỏi tôi một vấn đề Tôn giáo, một vấn đề Giáo lý, các vị phải hiểu rằng tôi, người các vị đang nhìn đây, tôi có vô số sở đoán, sở trường. Khi tôi giải thích cho các vị nghe một vấn đề Giáo lý, tôi luôn dựa vào sở đoán và sở trường của tôi. Cái gì mà tôi không giỏi thì tôi lách, cái gì tôi giỏi tôi sẽ tập trung chỗ đó. Thế là trong lời giải thích của tôi chứa bao nhiêu sở trường, sở đoán của tôi và các Vị kia cũng vậy thôi. Cho nên không có gì bậy cho bằng ôm chân của bậc Đạo Sư để rồi trở thành đầy tớ của bậc Đạo Sư. Ngài Lương Khải Siêu của Tàu có một câu rất là hay “Đối với cỏ nhân, ta nên là học trò để học điều hay của họ chứ đừng bao giờ trở thành nô lệ để rồi chấp nhận vô điều kiện những thứ họ nói ra.” Vậy nhà tù thứ nhất là do người: do Cha, do Mẹ, do Thầy, do bạn, do bè, do những người có sức ảnh hưởng lớn đối với ta. Và ta chỉ lấy những điều đó ra làm khuôn vàng, thước ngọc là chết.

Thứ hai là “Tù do mình”. Hầu hết - almost - trên 90% chúng ta ở đây, kể cả những người ngoài đường, kể cả những người trên hành tinh này. Chúng ta có một thói quen rất kỳ: Một là thích sống trong nhà tù của người khác xây lên cho mình - này tôi có giải thích rồi, nhà tù đó do sư phụ tôi, do thầy giáo tôi, do chồng tôi, do bạn tôi ... đã dựng lên cho tôi. Hai là tôi có khuynh hướng thích hiểu vấn đề theo cách mình muốn hơn là hiểu theo bản chất của nó. Ví dụ như mình nghi ai đó ăn cắp tiền của mình, trước khi tìm ra bằng chứng, mình để ý một người đó thấy họ ngồi, họ đi, cách nói chuyện của họ là của thằng ăn trộm, họ cười cũng của thằng ăn trộm. Và khi mình ghét ai, mình muốn công an tìm ra được bằng chứng trên người đó chứ không phải người khác. Cho nên Bao Công nói một câu tôi thích, khi thấy mây ông quan xử ầu, ông nói: “Đem chém thằng này là chuyện dễ vì quyền sinh sát trong tay của Ngài. Nhưng cái khó ở chỗ nếu chém nhầm, hung thủ thực sự tiêu diêu pháp ngoại (ở ngoài vòng pháp luật).” Nhưng chúng ta có khuynh hướng ghét ai là ta muốn bao nhiêu tội lỗi đổ hết lên người đó; mền ai là chúng ta đổ hết điều tốt lành lên người đó.

Cho nên, có một chuyện mà người học A-tỳ-đàm không học Tạng Kinh không hề biết. Theo A-tỳ-đàm, vị Tu-đà-hườn bỏ được những phiền não Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ. Thân kiến là chấp ngã uẩn này là tôi, là của tôi. Hoài nghi là do có Thân kiến nên mới thắc mắc ‘không biết ngày xưa tôi ra sao? Tôi là gì trong Trời đất này? Tôi chết rồi tôi sẽ đi về đâu?...’. Giới cấm thủ là một đường lối hành trì không hướng đến Diệt đế và không đúng với Đạo đế - đường lối hành trì không lấy cứu cánh làm Niết-bàn và đường lối hành động là Bát chánh đạo. Đó là theo A-tỳ-đàm

Thật ra, trong Chú giải nói rất rõ, vị Tu-đà-hườn nói gọn diệt được có hai thôi Thân kiến, Hoài nghi vì Giới cấm thủ được tạo ra từ hai cái kia. Do có Thân kiến và Hoài nghi, người ta mới đi đến phương pháp hành trì sai lầm.

Nhưng cái này mới quan trọng cần phải ghi, người mà đã dứt hẳn Thân kiến, không còn mắc vào năm cái bòn xén. Các vị đã học Tâm Sở rồi phải không? Tâm Sân đi với bao nhiêu Tâm Sở Sân phần? Tâm Sở Sân phần có bốn: Sân, Tật, Lận, Hối - Sân là bực bội, bất mãn; Tật là ganh tỵ, đố kỵ; Lận là bòn xén; Hối là hối hận điều mình đã và chưa làm. Người đã chấm dứt Thân kiến, không còn mắc vào bòn xén nữa - Điều này hầu hết các Phật tử A-tỳ-đàm không biết cái này. Sở dĩ các vị có nghe Vị Nhị quả giảm nhẹ Dục ái và Sân, giảm nhẹ là vậy đó. Sân là có cái Sân giận, bất mãn và cái Sân của vị Tu-đà-hườn không đủ để phạm năm Giới, cho nên cái Sân của vị ấy không đủ để dẫn đến sa đọa. Còn Tật, vị Tu-đà-hườn không còn ganh tỵ nữa; Lận, vị Tu-đà-hườn không còn bòn xén nữa. Và Hối là vị Tu-đà-hườn chỉ còn 50% thôi. Như mình là thường hối hận “tại sao tôi không làm chuyện đó? Tại sao chuyện đó tôi làm? Vị Tu-đà-hườn không như vậy, so với mình họ chỉ còn một nửa thôi vì có những cái ác vị ấy không làm thì làm sao mà hối hận. Nhớ

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐỈNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

là trong Sân, Tật, Lận, Hối thì vị Tu-đà-hườn chỉ còn cái Sân và Hối; mà cả hai cái này không đủ để dẫn đến sa đọa.

Chưa hết, vị Tu-đà-hườn chắm dứt Thân kiến và Hoài nghi nên không còn Tật và Lận. Cái này mới ghê, vì không còn Thân kiến, Hoài nghi nên Tu-đà-hườn không còn mắc vào bốn cái Pháp thiên vị: một là Chandāgati; hai là Dosāgati; ba là Mohāgati; bốn là Bhayāgati. Thiên vị là sao? Thiên vị có nghĩa là người thân, người thương của mình làm chuyện đó thì được nhưng người khác làm thì không được. Ví dụ như con của mình giỡn rồi làm văng nước, bể đồ... mình nói: “Trời ơi, con tui nó phá thấy ghét luôn vậy đó.” Nhưng con của người ta làm thì “Trời ơi, cái thằng đó nó lì lắm, nó phá lắm.” Như vậy gọi là Thiên vị: mình thương thì cái gì cũng được, mình ghét rồi là cái gì cũng không được. Và vị Tu-đà-hườn không hành xử theo kiểu đó, vị ấy không hành xử theo thương và ghét. Chưa hết, chính vì không còn kiểu hành xử thiên vị nên trong niềm tin, các vị Tu-đà-hườn không còn tin theo kiểu thích hay không thích.

Còn mình thì sao? Vì mình còn Thân kiến, mình còn coi nặng cái ‘cục nợ’ này, mình còn thấy ‘đây là tôi, năm uẩn này là tôi, và những gì liên hệ đến năm uẩn này là của tôi’. Chính vì mình coi nặng năm uẩn nên mình vẫn kẹt trong cái Thiên vị, thiên vị vì thương, vì ghét, vì si mê và vì sợ. Vì ‘thương’ hiểu rồi phải không? ‘Thương nhau củ ấu cũng tròn’. Vì ‘ghét’, lẽ ra chia bốn phần ăn đều ăn, nhưng tới chỗ người mình ghét mình đưa cho cái chén mẹ; lấy bốn cái ghế cho bốn người, đến người mình ghét, mình đưa cái ghế bị sét một chút. 33:35

Cái này còn thắm nữa, nam ít chứ nữ nhiều lắm, người nữ mà ghét rồi là ở với họ không nổi, nên mới có câu “Giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng” là chỗ đó... Nhưng chúng tôi vẫn thương người nữ vì họ là một nửa của chúng sinh.

Vị Tu-đà-hườn không có hành xử như vậy vì vị Tu-đà-hườn không còn Thân kiến, không còn chấp rằng ‘đây là tôi, đây là của tôi’ nên vị Tu-đà-hườn không còn bòn xén, không còn ganh tỵ. Tu-đà-hườn không còn thương, ghét, hay tin tưởng ai dựa vào cảm tính, họ chỉ dựa vào sự thật.

Cho nên trong Kinh nói, trên đời có ba hạng người:

Hạng thứ nhất là Aṭṭaadhīpateyya : lấy mình làm trọng.

Hạng thứ hai là Lokaadhīpateyya: lấy đời làm trọng.

Hạng thứ ba Dhammaadhīpateyya: lấy Pháp làm trọng.

Aṭṭaadhīpateyya là sao? Tôi chỉ làm những gì tôi thích và tôi luôn hành động tránh cái tôi ghét, cái tôi sợ. Tôi lấy cảm giác của tôi làm chánh, làm nguồn động lực chủ đạo để cho hành động. Trường hợp đó gọi là Aṭṭaadhīpateyya lấy mình làm trọng.

Trường hợp thứ hai là Lokaadhīpateyya - lấy đời làm trọng, lấy dư luận làm trọng, lấy tiếng khen chê của đời làm trọng. Là họ không coi nặng cảm xúc cá nhân mà coi nặng dư luận. Tôi biết một chuyện đau thương bên Mỹ, xảy ra ở Việt nam và tôi nghe được ở bên Mỹ. Có cô này rất đẹp, cô ấy ở Chợ lớn, nhà nghèo, qua mai mối lấy được chồng. Nhưng ông chồng chỉ tới ngày trăng hoa, đàn ca hát xướng nên cô buồn lắm. Bên gia đình chồng coi cô như o-sin trong nhà. Cuối cùng cô bỏ trốn về nhà mẹ. Bà mẹ nói thế này - chuyện của cô ấy mà tôi đau như chuyện của tôi - bà mẹ nói: “Con chết mẹ có tiền mua hòm cho con, nhưng con sống về đây mẹ không có cơm nuôi con. Bỏ chồng về với mẹ là mang tiếng một đời, mang tiếng cho con, mang tiếng cho gia đình.” Chỉ vì bà sợ dư luận và thế là cô con gái tự tử nhưng hên là... cứu được. Cái hạng đó gọi là Lokaadhīpateyya - sống không dựa vào đạo đức, không dựa vào gì hết, chỉ dựa vào dư luận thôi. Cái đó phải xét lại. Có nhiều người họ không muốn làm chuyện đó nhưng họ ráng làm vì không làm coi kỳ. Các vị có đọc sách Nguyễn Tuân, có nhớ chuyện ông hoàng phá sản không? Chuyện là ông xuất thân từ gia đình quyền quý cao sang, sau này phá sản bỏ phố về quê ở. Tết đến, có người quen cũ mua cho ông một cân mút sen và một lạng trà Tàu đất tiền biểu ông. Ông đang ở nhà quê, tiền thì cạn kiệt, chỉ vì mặt mũi và ông nói: “Đề đó ăn Tết chứ màu mè làm gì, thôi có lòng cứ để đó đi.” Xong rồi, ông vô chỗ cái gói của ông, rút ra một đồng bạc Đông dương - gia tài cuối cùng của ông đưa cho người khách, nói: “Về mua kẹo cho đứa nhỏ.” Dù biết rằng với đồng bạc đó, ông có thể ăn trong sáu tháng nhưng ông vẫn đưa cho người quen cũ.

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

Người quen ấy, một anh nhà nghèo nói: “Con lạy ông, với số tiền này mua kẹo ăn cả năm.” Nghĩa là mình sống chỉ vì mặt mũi thôi, không kể gì chuyện khác.

Hạng thứ ba mà Đức Phật nói là Dhammaadhipateyya: có nghĩa là không coi nặng cảm xúc cá nhân, cảm tính bản thân, không coi nặng tiếng đời dị nghị, dư luận thị phi... mà lúc nào mỗi hành động lớn nhỏ nhất nhất đều theo Chánh Pháp. Điều này là thiện hay bất thiện; điều này có lợi cho mình, cho người; có hại cho mình, cho người đời này và đời sau hay không? Căn cứ vào đó để sống và hành động. Chứ không căn cứ vào cảm xúc cá nhân, không dựa vào tiếng đời. Vị Tu-đà-hườn cũng vậy.

Nãy giờ các vị nghĩ tôi lạc đề nhưng tôi đang nói đến ba nội dung của bài Kinh.

Nội dung 1 là: Trên đời này không thể sống, không thể hành động mà không có niềm tin tin. Tuy nhiên không có gì bậy cho bằng tin mà không có cơ sở trí tuệ, tin thì dễ rồi nhưng tin đúng hay sai.

Khoan nói đến Tôn giáo, chúng ta nói đến chuyện khác. Ngay trong chuyện tình cảm nam nữ, tin nhầm người là chết bởi vì thời nay Thạch Sanh thì ít, Lý Thông thì nhiều. Rồi qua Tôn giáo, Chính trị cũng vậy. Nhầm một chút trong nhận thức trong Chính trị, nhẹ thì đi tong cuộc đời, nặng thì ... Cho nên niềm tin tầm bậy rất dễ có nhưng khó có là niềm tin đi đôi với trí tuệ. Sống ở đời không thể thiếu niềm tin nhưng niềm tin không thể thiếu sự góp mặt của trí tuệ. Bởi vì có điểm khác biệt rất lớn giữa một người minh triết và một người không minh triết, đó là một người nhẹ dạ cả tin và một người tin cái gì cũng phải cẩn thận. Và nên nhớ thế này, chúng ta thương ai dễ chừng nào, chúng ta bỏ nhau dễ chừng đó. Chúng ta đến với Đạo ngã nào, chúng ta lìa Đạo ngã đó. Chúng ta đến với Đạo bằng niềm tin của một đứa trẻ con, mai này ta cũng bỏ Đạo bằng sự mộc mạc của một đứa trẻ con. Có nhiều người bỏ Đạo bằng những lý do rất đơn giản: giận ông sư phụ là bỏ Đạo, tôi đã gặp rồi. Đức Phật dạy rằng: “Này các Tỳ kheo, có những bất lợi sau đây cho một cư sĩ cắm đầu đặt niềm tin vào một cá nhân Tỳ kheo. Thay vì đặt niềm tin vào Tam bảo, vào giá trị của tập thể Tam bảo, họ lại cắm đầu vào niềm tin cá nhân. Khi vị Thầy đó qua đời, họ bỏ Đạo; khi vị Thầy đó bị tai tiếng, bị chế luật, họ bỏ Đạo. Như vậy oan uổng quá.” ‘Thân người khó được, Chánh Pháp khó gặp’, không lý gì chúng ta lìa bỏ Phật Pháp chỉ vì sự trục trặc của ông Sư phụ.

Cho nên, vị Tu-đà-hườn không như vậy, vị Tu-đà-hườn luôn luôn hành xử đúng mực dựa vào tiêu chuẩn của Chánh Pháp: cái này có tương ứng với Kinh, có tương đồng với Luật hay không? Tương ứng với Kinh là cái này là Thiện hay là Ác, cái này có Lợi hay Hại cho mình cho người, đời này, đời sau. Dựa vào cái này, vị Tu-đà-hườn sống và hành động.

Điều thứ hai, đó là nội dung và hình thức. Cái này là một điểm rất quan trọng trong bài Kinh Brahmāyu. Hình tượng Phật đẹp, có 32 tướng tốt, có hào quang, ... mỗi khi vào chùa ta thấy tượng Phật đẹp và quì lạy. Nhưng ta quên một điều mỗi vẻ đẹp trên người Phật thật ra chỉ một hình thức biểu hiện một cái công đức nào đó từ xưa của Ngài. Tôi nhắc lại, thay vì quan sát vẻ đẹp của một tượng Phật, ta hãy nhớ rằng mỗi một vẻ đẹp đó được tạo ra bằng một công đức quá khứ.

Vua A-Dục có một hoàng hậu tên là Asandhimitta Tôi bắt đầu kể chuyện phong thần cho các vị nghe. Ở đây có ai nghe đến chữ Ca-lăng-tần già không? Tiếng Pali là karavika, là tên một loài chim quý trên Himalaya có tiếng hót rất hay. Khi nó cất tiếng hót, loài thú lớn đang rượt thú nhỏ khi nghe tiếng hót sẽ ngưng lại không rượt nữa, còn loài thú nhỏ khi nghe được tiếng chim hót sẽ đứng lại không sợ nữa. Con lớn quên mồi, con nhỏ quên chết, tiếng chim hay như vậy đó. Có một ông thợ săn vào rừng bắt được đúng một con, ông đem về tặng cho hoàng hậu Asandhimitta vợ của vua A-dục. Hoàng hậu được tặng chim Ca-lăng-tần-già, bà rất thích. Bà làm một cái lồng chim bằng vàng cho chim ở, nhưng nó cứ buồn hiu không chịu hót. Bà lệnh cho mồi ông thợ săn vào hỏi tại sao chim không hót. Ông thợ săn hỏi Hoàng hậu chim ăn gì? Hoàng hậu trả lời cho nó ăn hạt kê, hạt đậu, hạt bắp. Thợ săn nói chim này chỉ ăn xoài chín thôi. Nghe vậy, Hoàng hậu lấy xoài chín cho chim ăn nhưng nó vẫn không hót. Hoàng hậu lại mời ông thợ săn, ông nói rằng ông quên mất là chim này chỉ hót khi lấy đồng loại. Hoàng hậu nói rằng khanh chỉ

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

tặng ta một con thoi thì làm sao. Ông thợ săn trả lời rằng vậy thử cho chim soi gương. Ngày xưa chưa có gương thủy tinh chỉ có cái gương bằng đồng thoi, chim soi gương đồng và tưởng đó là con chim thứ hai nên cất tiếng hót. Khi nó cất tiếng hót, thay vì như mình sẽ mê mẩn nhưng Hoàng hậu thì không, Hoàng hậu suy nghĩ: “Ta nghe hình như âm thanh của Thế Tôn, trong Kinh nói, hay như tiếng của chim Ca-lăng-tần-già. Đây chỉ là tiếng hót của một loài bàng sanh mà còn hay như vậy, nói gì đó là âm thanh của một người không còn tham, sân, si, thành tựu Giới - Định - Tuệ, giải thoát và giải thoát Tri kiến, một bậc Tứ sanh... như Bậc Đạo Sư.” Bà nghĩ như vậy và tiếp theo Bà khởi niềm tin: “Sự có mặt của con người đó là Khổ đế, mà Khổ đó đến từ Tập đế, dứt Tập sẽ không còn Khổ nữa - đó là Diệt, và con đường dẫn đến Diệt đế là Đạo đế.”

Từ tiếng chim hót, Bà đắc Tu-đà-hườn. Còn mình thì sao?

Ngài Lakunḍakabhaddiya - Vị Đệ nhất về Âm thanh vi diệu - Ngài đi bát, gặp một cô gái nhìn Ngài cười. Thay vì mình nhìn người ta cười, một là mình nghĩ người ta cười khinh mình nên mình giận; còn nếu người ta cười vì ta bày tỏ tình cảm với mình thì mình thích. Còn Ngài thì không, Ngài nhìn hàm răng của cô ta và nghĩ đến bộ xương và lấy đó làm một đề mục Thiền định. Tôi trở lại nội dung thứ hai của bài Kinh là hình thức và nội dung phải đi đôi với nhau. Không Tử có nói đến chữ Chính Danh. Là sao? Có người hỏi Không Tử tại sao xã hội không loạn? Không Tử chỉ nói một chữ là “Chính Danh”. Chính Danh có nghĩa là tên gọi và hình thức phải đi đôi với nhau. “Phu, quân quân, phụ phụ, thần thần” - Vua cho đáng vua, cha cho ra cha, thầy cho ra thầy, dân chúng cho ra dân chúng thì xã hội không có loạn.

Chúng ta hôm nay thì sao? Chồng không có tròn phần của chồng, vợ không tròn phần của vợ, xã hội loạn. Chúng tôi muốn nói hình thức và nội dung phải đi đôi với nhau thì xã hội mới ổn định. Ở đây, khi chúng ta lạy Phật, chúng ta phải nhớ một chuyện, Thế Tôn đẹp như vậy đó, cái đẹp - beauty chỉ là cái đẹp bên ngoài thôi. Tây có một câu nói rất là hay, cái vẻ đẹp thâm sâu, vẻ đẹp bên trong của con người giống như biển, muốn biết biển đẹp chỉ nhìn mặt biển chưa đủ, phải lặn xuống bên dưới. Vẻ đẹp của Thế Tôn có 32 hảo tướng. Vẻ đẹp đến từ công đức nào trong quá khứ, đến từ tâm trạng nào trong hiện tại. Thế Tôn có những tướng đẹp, có được là do nhiều đời. Thế Tôn giữ cái hạnh của bậc Hoàng tử không có nói dối.

Thế Tôn có cặp mắt đẹp vì nhiều đời Thế Tôn không có nhìn ngang, liếc xéo, háy nguyệt, không nhìn người khác bằng tâm bất thiện.

Thế Tôn có một giọng nói khiến cho kẻ thù phải chùng lòng bởi vì nhiều đời Thế Tôn chỉ nói khi thương người ta, khi giận không nói. Ta có một câu “Đừng nói gì khi đang giận dữ bởi có bao giờ ta giọng buồm ra khơi khi trời đầy bão tố.” Khi biết mình đang bị mất kiểm soát, hãy trốn vào phòng, không phải vì mình hèn bởi vì mình biết rằng, mình đang làm con gì chứ không phải con người.

Suốt nhiều đời, Bồ Tát tu tập nên kiếp cuối Ngài thành tựu những tướng tốt. Như vậy khi quan sát những nét đẹp, những tướng tốt của Phật, chuyện đầu tiên là ta phải nhớ lại những hạnh lành đã làm nên những tướng tốt đó.

Chúng ta có trang điểm bao nhiêu nhưng không có một tâm hồn, một cách cư xử không đẹp thì sự trang điểm đó không đi về đâu. Mỹ có một câu “Chỉ biết xài đồ hiệu mà không có nội dung tâm hồn thì chỉ là con khỉ ngồi bàn bureau thắt cravat.” Tức là không có hàm dưỡng nội dung tâm hồn, chỉ như là con khỉ ngồi ở văn phòng.

Cho nên, nội dung thứ hai của bài Kinh kêu gọi chúng ta một điều quan trọng: Sống trong đời sống phải có một vẻ ngoài để dễ nhìn, tuy nhiên, cái vẻ ngoài đó tốt nhất nên đi đến từ một nội dung dễ thương. Tôi nhắc lại, ai sống ở đời cũng cần có một vẻ ngoài dễ nhìn nhưng vẻ ngoài đó tốt nhất nên đến từ một nội dung dễ thương. Vì ở trong không dễ thương thì ở ngoài có sang trọng thì đó là giả tạo.

Điều thứ ba. Trong Kinh xác nhận rằng, Bà-la-môn Brahmāyu là một đại gia có thân phận rất lớn. Thế Tôn cũng là một người có thân phận rất lớn, Ngài là một “Tứ sanh Từ phụ”. Nhưng rốt ráo bài Kinh này nói điều gì? Brahmāyu đắc Đạo không phải vì tướng tốt của Thế Tôn, mà ông đắc Đạo vì ông hiểu Thế Tôn. Bài Kinh sâu sắc ở chỗ đó. Thế Tôn dạy cho ta điều gì? Mọi hiện hữu



## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN

trên đời đều là Khổ nên đam mê nào của ta cũng là đam mê trong Khổ. Muốn thoát khổ thì đừng đam mê trong Khổ. Và con đường thực hiện sự lìa bỏ đam mê được gọi là Đạo Đệ.

Các vị nhìn kỹ lại xem tất cả những gì Đức Phật dạy ta đều dẫn đến sự lìa bỏ. Ví dụ như Ngũ giới, đó có phải là con đường dạy ta lìa bỏ không? Không sát sanh, không săn bắn, không câu cá, không đập ruồi, không đập muỗi... có phải là lìa bỏ không? Không trộm cắp cũng là sự lìa bỏ; không tà dâm cũng là sự lìa bỏ; không nói dối cũng là sự lìa bỏ; không dùng các chất kích thích cũng là sự lìa bỏ. Chưa hết, qua đến “Bát quan trai”, tinh thần lìa bỏ càng rõ hơn nữa. Nhiều người cứ tưởng rằng, giữ Bát quan trai để có phước. Nghĩ như vậy cũng giống như nuôi bò để lấy phân trồng đá. Các vị có hiểu không? Mục đích chính của việc nuôi bò có phải để lấy phân không? Lấy sữa, lấy da, lấy thịt. Bởi vì, nội dung của Bát quan trai là “thu thúc lục căn”. Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, trong một ngày đêm người giữ Bát quan trai trong sạch có được một phần phẩm hạnh như vị La-hán: Vị La-hán suốt đời không sát sanh, người giữ Bát quan trai suốt một ngày đêm không sát sanh. Vị La-hán suốt đời không vi phạm những điều trong Bát quan trai, người giữ Bát quan trai trong suốt một ngày đêm cũng không vi phạm.” Như vậy, từ Giới đến Định - là thiền Chỉ Samantha, Tuệ - là thiền Quán Vipassana, Giới hay Định hay Tuệ, nội dung cốt lõi của Tam học chính là sự lìa bỏ.

Tôi thường nói, Phật Pháp có hai lối tu: lối tu của người “lượm ve chai” và lối tu của “người đổ rác”. Lối tu của người đổ rác là thấy cái gì bất thiện là bỏ; thấy đây là tham, là sân, là si; bỏ; đây là sự ganh tỵ, đố kỵ; bỏ; đây là kiêu mạn, hoài nghi; bỏ. Kiểu tu của người lượm ve chai là bỏ thí nhiều, tụng kinh nhiều, ở đây không ai giỏi giáo lý bằng tôi, ở đây không ai thọ bát quan trai nhiều bằng tôi, ở đây không ai đi tu thiền ở Miến điện nhiều bằng tôi, ở đây không ai hiểu lý vô ngã bằng tôi... Người đi đổ rác, chuyện đổ nhầm thì ít mà khả năng lượm ve chai nhầm là nhiều. Hai hành giả bước vào thiền viện, người hành thiền bằng lý tưởng của người đổ rác, tôi yên tâm. Nghĩa là mình ngồi thế này, mình đau biết là đau, giận biết là giận, tham biết là tham, thiện lành biết là thiện lành, thích là trong khi hỷ lạc biết là thích trong hỷ lạc. Còn hành thiền theo kiểu lượm ve chai, ngồi yên biết rõ đang ngồi yên và lên nghĩ trong bụng rằng kỳ này mình ngồi lâu hơn kỳ trước, bà hồi nãy nhúc nhích hơi nhiều... Cũng chuyện này, trong một Thiền viện của Nhật có để một cái bảng “Keep silent, please” - Xin giữ yên lặng. Lúc đó ba người đang ngồi thiền, gió bỗng thổi đánh vô cửa sổ cái rầm. Anh đầu tiên nói: “Ai không gài cửa ta?”; anh thứ hai nói “Thiền mà nói chuyện.”; anh thứ ba nói: “Nãy giờ có mình tôi im lặng à.” Đây không phải là chuyện để cười, có nghĩa là toàn những người tu kiểu lượm ve chai. Không mắc mớ gì mà mình quan sát người chung quanh, quan trọng nhất là: khổ thọ đang có mặt, lạc thọ đang có mặt, hỷ thọ đang có mặt, phi thọ đang có mặt, và đây là tham ái trong phi lạc đang có mặt. Không cần phải làm sự so sánh, tôi đang hơn tôi ngày hôm qua, tôi đang khá hơn người kế bên.

Và có một chuyện tôi phải nói cho các vị nghe, tùy thuộc vào Ba-la-mật mà mỗi người có một khả năng nhận thức Giáo lý khác nhau. Vừa rồi, ngoài Hà nội tôi có giải thích một chuyện nhưng tiếc là ngoài đó họ nhìn tôi giống như nhìn một người ngoại quốc vậy.

Trên thế giới có nhiều ngôn ngữ, có ngôn ngữ có chia, có ngôn ngữ không có chia. Ví dụ như tiếng Đức là một ngôn ngữ có chia. Khi nói ‘mẹ của tôi’ hay ‘anh của tôi’ tiếng Việt của mình chữ ‘của tôi’ đều viết như vậy. Nhưng trong tiếng Đức chữ ‘của tôi’ trong ‘mẹ của tôi’ đi theo phải chia theo giống ‘nữ’. Khi nói ‘anh tôi’, chữ ‘của tôi’ phải chia ở giống ‘nam’. Tiếng Pali cũng vậy. Có những ngôn ngữ như Latin, hay Nga có chia động từ, tiếng Pali cũng vậy. Ví dụ như động từ ‘ăn’ trong tiếng Pali, tùy theo chủ từ ‘tôi’, ‘anh’, ‘các anh’, ‘chúng tôi’... mà động từ ‘ăn’ có cách viết khác nhau. Cho nên không có chuyện động từ tiếng Pali trong một đoạn văn dài hay ngắn mà không được chia.

Chính từ chỗ này, có một chuyện xảy ra. Trong bản Pali, Đức Phật dạy: “Đang thở ra dài, Tỳ-kheo biết rõ rằng tôi đang thở ra dài.” Trong câu này, động từ ‘thở’ được chia theo ngôi thứ nhất, bởi vì tiếng Pali không thể không chia. Khổ thay, người nào dịch Kinh bằng tiếng Phạn, đến chỗ đó họ thấy chữ ‘-mi’ nên họ vẫn phải dịch là “tôi đang thở ra dài”. Thế là hành giả Việt nam mới hiểu “đang thở ra dài biết hành giả biết rằng tôi đang thở ra dài”, xách cả cái chữ ‘tôi’ qua đến

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

Miễn điện luôn. Lẽ ra chỗ đó phải bỏ chữ ‘tôi’ đi, và phải hiểu là “đang thở ra dài, vị Tỳ-kheo biết rõ hơi thở đang dài”, chỉ biết vậy thôi. Có chữ tôi là người ta dịch sát trong tiếng Phạn, có chia ngôi thứ nhất.

Có một lần, Đức Phật đến thăm một vị Tỳ-kheo bị bệnh, Ngài hỏi thế này: “Người có đau đớn lắm không? Có chịu nổi không?” Vị Tỳ-kheo trả lời: “Dạ, Bạch Thế Tôn, con đau lắm, đau đến mức bây giờ con chết đi thì hay hơn, bây giờ con sống không bằng chết.” Lúc đó Đức Phật dạy thế này: “Hãy quán niệm rằng, không phải tôi đang đau và cái đau đó cũng không phải là của tôi. Hãy ghi nhận cơn đau là cơn đau, khổ thọ đang có mặt chỉ ghi nhận rằng khổ thọ đang có mặt.” Cái này quan trọng vô cùng.

Tôi nhắc lại, khi đau đớn cứ ghi nhận rằng khổ thọ đang có mặt. Đang nực, có cơn gió đang thổi qua, chỉ ghi nhận rằng lạc thọ đang có mặt. Có một niềm vui tâm lý đang xuất hiện trong lòng mình, ghi nhận thọ hỷ đang có mặt. Có một nỗi buồn, nỗi khổ về tâm lý, ghi nhận thọ ưu đang có mặt. Chỉ ghi nhận nó đang có mặt thôi. Vì tôi đã nói rồi, chưa biết Đạo, thấy đời mình là một LINE (một đường thẳng), biết ba mớ thấy nó là những SPOTS (những đốm), biết kỹ rồi thấy nó là những DOTS (những chấm nhỏ). Nếu một ngày nào đó, vị hành giả thấy mình chỉ là những SÓNG và HẠT, thấy mình chỉ là những chấm li ti cộng lại, tôi hứa với các vị, các vị sẽ thấy an lạc rất nhiều. 1:00:20

[13/11/2023 - 08:14 - ngoc\_ngopham]

Nhật có một câu chuyện rất là hay mà tôi đã kể rất nhiều. Khi ta đi thuyền trong đêm tối, ở một chỗ không ánh sáng. Lúc đó, có một chiếc thuyền khác va vào thuyền của mình, mình có giận không? Và nếu nhìn kỹ trên thuyền có người hay không có người, cảm giác giận đó giống hay khác? Trả lời là “Khác” và “giận nhiều hơn” nếu thuyền có người. Và nếu là một cô gái hay một cậu thanh niên, mình sẽ giận ai nhiều hơn? Trả lời đó là cậu thanh niên. Thấy chưa. Cho nên, các vị thấy chính do mình nghĩ rằng tôi đang bị ai đó tấn công, tôi mới bị shock. Còn nếu mình hiểu rằng cái ‘đốm đốm này’ bị cái ‘đốm đốm kia’ thì đó là một sự va chạm mà mình có thể cảm nhận được. Chuyện này quan trọng nè. Những cái này bà con không thể một ngày, một buổi nghe giảng rồi bước ra và không giận, tôi không hứa, phải thực tập. Vì sao? Vì thói quen chấp ngã và ngã sở - ‘tôi’ và ‘của tôi’ - thói quen đã được huân tập từ vô lượng kiếp, nó dày như một ngọn núi nhưng những nhận thức của quý vị về Giáo pháp của quý vị mỏng như cái móng tay thì làm sao lấy móng tay đào núi được. Cho nên có những người không hiểu được chỗ này, họ có nghe Pháp và về họ vẫn giận và họ nói Phật Pháp không có linh. Phật Pháp không phải là thần dược, mà Phật Pháp cần phải thực tập. Phật Pháp không phải là một cái gì đó mình bỏ túi khi cần lấy ra xài mà Phật Pháp là một quá trình luyện tập.

Tây có một câu khác thế này “Hạnh phúc không phải là cái gì đó mà bạn có thể bỏ túi mà là cái gì bạn phải vun xới từng ngày.” Tình yêu nam nữ cũng vậy, mình yêu nhau rồi về ở với nhau là được. Không phải. “Chiếm thành thì dễ nhưng giữ thành mới khó.”

Cho nên hiểu Phật Pháp thì dễ, ai cũng có thể hiểu nhưng để hành trì thì không dễ. Và tùy thuộc vào duyên lành nhiều đời mà khi đến với Phật Pháp ta quan tâm cái gì và quan tâm đến mức độ nào? Chưa hết, quan tâm mà có hành trì hay không? Hành trì ở mức độ nào? Có người đến chùa thích bố thí thôi; có người đến chùa chỉ thích quét sân, rửa chén, nấu cơm; có người đến chùa chỉ đến thư viện đọc sách; có người đến chùa thích tụng niệm trên Chánh điện; có người đến chùa chỉ thích hành Thiền... Tuy nhiên, trong số những người hành Thiền lại chia ra tám phe, mười hai phái. Có anh ngồi Thiền mong kiếm ba cái ‘nổi da gà’ chơi cho vui, phiền não còn nguyên cục ‘u’ thế này mà ăn rồi hành Thiền và chờ ‘nổi da gà’... Có một lần tôi nói với một cô “tu mà mê mấy cái hỷ lạc, mai này chết cô biết về đâu không? Về mong cô - tu để cho mong nhẹ - chứ không qua Ấn độ được, về ‘tây ninh cực nhọc’ chứ không phải về ‘Tây phương cực lạc’.

Cái quan trọng của Đạo Phật là gì? Là mọi con đường hành trì đều hướng đến mục đích buông bỏ ngay cả Phật Quả vô thường của Bạc Đạo Sư của chúng ta vẫn nhắm đến sự lìa bỏ. Có một điều, tại sao Ngài là Bạc “Tứ sanh như Từ phụ”? Tại sao Ngài là Bạc Thiên nhân sư? Vì Ngài bỏ nhiều quá nên cái mà Ngài có được cũng quá nhiều. Ngài cho cái khó cho, Ngài nhin cái khó nhin nên

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

Ngài được cái khó được. Còn chúng ta thì sao? Cho cái khó xài, nói cái khó nghe nên thành người ‘khó ưa’. Có phải vậy không?

Vậy nên, nội dung thứ hai của bài Kinh Brahmāyu là hình thức và nội dung phải đi đôi với nhau. Kinh nói Phật đẹp nhưng đừng quan tâm đến cái đẹp của Phật mà phải quan tâm đến chuyện vì đâu Phật đẹp?

Thấy người ta đẹp, đừng ganh tỵ hay ngưỡng mộ mà hãy tìm hiểu tại sao ba vòng của họ ok quá, cái đó quan trọng hơn.

Cái thứ ba, đó là tinh thần buông bỏ. Nói gì thì nói, phải luôn luôn đúc kết đến nội dung sau cùng đó chính là sự lìa bỏ tất cả. Kinh nói đến vẻ đẹp của Phật nhưng rõ ràng Brahmāyu không đặc Đạo từ vẻ đẹp của Phật mà Brahmāyu đặc Đạo từ việc hiểu được Phật dạy cái gì.

Hôm nay tôi nói ra sự thật này, bà con rất shock. Trong vũ trụ bao la, mỗi một Thái Dương hệ chỉ là một trái lựu. Trong mỗi trái lựu có nhiều hạt, ta gọi cái hạt này là cồi Người, những cái hạt kia là cồi Dạ ma, Đầu suất, Tha hóa tự tại, cồi này là cồi Phạm Thiên... Những cồi này nằm trong một cái vũ trụ mà mình hình dung đó là trái lựu. Và theo mô tả trong Kinh có vô số trái lựu như vậy. Có nghĩa Trái đất chỉ là một hạt lựu trong một trái lựu thôi, và chúng ta chỉ là những con vi khuẩn, bacteria, virus, con nấm... ở trong cái hạt lựu đó. Và trong trái lựu đó có những cá nhân phát hiện ra sự có mặt của mình trên đời này là một sự nhạt nhẽo, vô vị, nhàm chán, thế là họ tìm đủ mọi cách để lìa bỏ nó bằng cách họ không thích nó nữa, họ trở thành một thứ mà mình gọi là Thánh nhân. Họ không còn tiếp tục muốn tồn tại trong trái lựu. Hôm nay tôi đem Thánh nhân ra tôi nói đến mức tận cùng như vậy. Tại sao tôi phải hy sinh làm chuyện đó? Tôi chỉ muốn cho các vị thấy rằng, ngay cả Thánh nhân cũng chỉ là những gì đó rất nhỏ trong quả lựu đó thôi. Còn mình thì sao? Mình cũng chỉ là những cái gì đó rất nhỏ trong hạt lựu đó nhưng chúng ta không biết rằng, mình ở trong hạt lựu đó và tiếp tục mê say trong đó.

Trong bài giảng vừa rồi ở Hà nội, tôi có nói đến hạnh phúc và đau khổ và tôi cho rằng rất cần thiết. Toàn bộ thế giới này chỉ nằm gọn trong hai chữ ‘hạnh phúc’ và ‘đau khổ’. Đau khổ là gì? Đau khổ là sự gánh chịu cái mình ghét. Và hạnh phúc là gì? Hạnh phúc là sự có được cái mình thích.

Tại sao mình thích? Tại sao mình ghét? Cả thích và ghét đều do tiền nghiệp quá khứ, do môi trường sống và do khuynh hướng tâm lý.

Do tiền nghiệp, tôi sanh làm loài ăn thịt sống, nên khi gặp một con thú nhỏ hơn là lập tức tôi thích. Do tiền nghiệp, tôi sanh ra làm một loài ăn cỏ, nên khi gặp một bãi cỏ xanh là tôi thích. Do tiền nghiệp, tôi phải mang thân đàn bà, nên khi đi ngang tiệm áo cưới, tôi thấy bộ soiree là tôi thích. Do tiền nghiệp, tôi phải mang thân đàn ông, tôi đi ngang tiệm đồ sport - thể thao, tôi nhìn là tôi thích. Cho nên những cái mà ta thích có giá trị rất là tương đối. Đúng ra, nếu tôi là quý vị, bây giờ tôi đi ngay về nhà để tôi chiêm nghiệm cái tủ quần áo của tôi. Vì những thứ mình thích có giá trị rất là phù phiếm vì tôi là nữ, tôi thích phấn son, nước hoa, mỹ phẩm... Vì tôi là nam, dưới 45 tôi thích gì, trên 45 tôi thích gì, trên 70 chỉ thích ‘cù là’, salonpas...

Như lần tôi đi trong đoàn của tôi của sáu vị sư hết bốn vị không thích gì chỉ thích dầu xanh và salonpas. Trong khi cảnh đẹp biết bao nhiêu: Hồ núi Cốc, Tam Đảo, Bích động,... mà mấy sư chỉ có dầu xanh, và salonpas.

Lý do vì sao? Nói theo bà... là “trên đời này không có hạnh phúc, chỉ có giải pháp”. Mình đói mình ăn mới ngon, cái ‘ngon’ ở đây không phải là hạnh phúc mà là giải pháp nhưng vì đầu mình ‘bu’ quá nên mình mới nói đó là hạnh phúc. Mình thương một người nào quá, khi cái ‘nhớ’ đây lên đỉnh điểm, gặp họ mình mừng, cái ‘mừng’ đó gọi là hạnh phúc. Như vậy, cái hạnh phúc nào cũng chỉ là giải pháp để giải quyết nhu cầu bức xúc nào đó của mình. Khổ một nỗi, có bao nhiêu người trong cuộc đời này chấp nhận sự thật đó. Tôi nhắc lại, đời sống vốn dĩ không có hạnh phúc, chỉ có giải pháp thôi. Ngồi lâu nên mỏi, trở cái giò nghe nó sưng và cái ‘sưng’ đó chỉ là giải pháp. Chưa hết, ăn nước cốt dừa để qua đêm, nhìn thấy cái cửa nhà tắm, đó là giải pháp... chưa bao giờ tôi yêu cái cửa đó bằng những lúc tôi bị đau bụng, tôi yêu nó nồng nàn, không nồng nàn sao được? Khi mình khát nước, mình uống gì cũng ngon, mình gọi cái ‘ngon’ đó là hạnh phúc

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN

nhưng thực ra nó chỉ là giải pháp. Ngứa gãi nó đã, cái ‘đã’ không phải là hạnh phúc, đó là giải pháp.

Khô theo A-tỳ-đàm nói có ba: Khô Khô, Hành Khô và Hoại Khô.

Khô khô là sự có mặt của những gì làm cho thân, tâm ta khó chịu. Hoại khô là sự vắng mặt của những gì làm cho thân, tâm ta dễ chịu. Nghĩa là thăng Tèo mình ghét, có mặt của nó là mình khô. Thăng Tí mình thương, không có mặt mình cũng khô. Cái khô thứ ba chỉ có hành giả mới thấy được, đó là tính lệ thuộc các điều kiện mình có. Ví dụ như mình có cái thân này nên đói - ăn, khát - uống, tiêu, tiểu, tắm rửa, đau nhức, tê mỏi, buồn ngủ, đã dục, bần thần... Tất cả những cái đó là do có cái thân này. Tôi nghĩ rằng nếu cái thân này là cái gì đó mà mình có thể đem vô tử lạnh cát, bà con đã cát lâu rồi, nó phiền lắm. Bác sĩ nói, trên 50 tuổi xương của mình đặc biệt giòn, nhất là những phụ nữ đã từng mang thai, sinh con. Cho nên sau 50, đi đứng nên cẩn thận, lúc đó mình mới thấy có thân này là khô. Đi đứng chậm chạp, mắt mờ, tai yếu, xoay trở khó khăn, ăn uống bữa được bữa không, có bao nhiêu tiền để đi bác sĩ. Có nhiều khi bị bác sĩ gạt nữa, bác sĩ gặp “Trời ơi, bác khỏe ghê nha, lâu quá không gặp...” Vậy là về sương cả đêm. Nghĩ lại mình thấy vì có cái thân này nên mình mới khờ dại với trò đó.

Cho nên, cái khô thứ nhất là sự có mặt những gì làm cho thân tâm ta khó chịu. Cái khô thứ hai là sự vắng mặt của những gì làm cho thân tâm ta dễ chịu. Và cái khô thứ ba là tính lệ thuộc vào những điều kiện mình có. Tính lệ thuộc đó là một cái khô ghê gớm. Không biết bao nhiêu lần tôi đã nói, muốn có mặt ở cái chùa này đâu phải dễ, các vị phải không nhưc răng, không chóng mặt; nhà các vị không bị đứt dây điện, bể ống nước; rồi trong nhà mình, chồng mình, vợ mình, cha mình, mẹ mình, con mình, cháu mình, con chó của mình... không có vấn đề. Nếu một trong những thứ có vấn đề là mình không thể đi được, ví dụ như vừa rồi lúc sắp đi, bếp gaz của mình bị xì, mình đâu dám bỏ nhà đi... Cho nên để có mặt ở đây nghe Pháp không phải dễ. Đời sống của mình là một chuỗi dài của những sự lệ thuộc các điều kiện. Chưa hết, khi chúng ta đi trên đường, ta có bình tĩnh, có hay cách mấy, nhưng sự sống sót của ta trên đường chỉ có 50%, các vị biết không? 50% kia của ai? Của người ta. Mình lái xe cẩn thận cỡ nào, khả năng sống sót của mình trên đường chỉ có 50% thôi. Cho nên, đời sống lệ thuộc vào vô số điều kiện, người hành giả thấy được chỗ này nên sanh tâm nhàm chán. Mà có chán trong khô, mới lia được khô. Chán gia đình mới chịu ly dị, ly dị rồi mới thấy khỏe. Tôi không xúi các vị ly dị đâu...

Theo tinh thần trong Kinh, chúng ta có hai cách hành xử. Đối với Thiện pháp, chưa có kết hôn được, ta nên đính hôn. Đối với Ác pháp, chưa có ly dị được, ta nên ly thân.

Đối với Thiện pháp, chưa kết hôn được, ta nên đính hôn là sao? Nghĩa là, chưa có điều kiện để xuất gia, chưa có điều kiện để cạo tóc, chưa có điều kiện để thọ bát quan trai, chưa có điều kiện để đi Miến điện tu thiền nhưng phải có những chuẩn bị trước - tôi gọi đó là chưa kết hôn nhưng phải bắt đầu đính hôn.

Đối với Ác pháp, chưa ly dị được, trước mắt ta phải chuẩn bị ly thân là ngủ riêng. Nói đến ly thân, tôi nhớ đến một chuyện. Có ông đó, đêm ngủ ông hay làm phiền vợ của ông lắm, giữa đêm ông hay gọi vợ nên bà bực, bà nói “mai mốt tôi còn chiều ông nữa là tôi bị đạn bắn.” Ông giận nên ngủ một mình. Đêm đó, ông nghe tiếng giường động đậy, ông hỏi: “Ai?”, “Em”, “Em là ai?”, “Em là người không sợ súng đạn”. Nghĩa là ly thân nhưng chưa dứt khoát. Mình chưa lia bỏ được gia đình nhưng có sự chuẩn bị để lia bỏ, đó gọi là ly thân. Như bây giờ, mình chưa Bát quan trường được, ít ra một năm Bát quan được ba tháng. Nếu chưa Bát quan được ba tháng, ít ra một tháng mình Bát quan được tám ngày, còn không nữa, 6, 4, 3, 2, 1 ngày mỗi tháng, còn không nữa mỗi ngày Bát quan đến 12g trưa.

Toàn bộ lời dạy của Phật chỉ nhắm đến một giá trị duy nhất đó là sự lìa bỏ. Và tại sao hôm nay tôi nói về Thánh nhân một kiểu rất là lạ, không còn kiểu nói thần thánh hóa nữa? Các Ngài vốn dĩ là những cá nhân, những hạt cát rất là nhỏ. Nhưng những hạt cát đó, một ngày kia nhận ra thân phận hạt cát của mình và biết nhàm chán thân phận đó. Và hạt cát đó đã biến thành ngọc trai và vĩnh viễn không còn trong vòng sanh tử. Còn mình thì sao? Mình tiếp tục là những hạt cát lăn trôi trong biển đời trầm luân. Và mình chưa bao giờ nhận ra mình vốn là vô danh, vô nghĩa trên bờ

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

cát sanh tử đó, và mình mãi hoài là hạt cát trên bờ biển sanh tử. Chúng ta bé mọn lắm, quý vị. Chiều nay chúng ta còn là thân phận con người, chúng ta có mấy tỷ trong nhà băng, chúng ta có mấy căn nhà cho thuê ở quận này quận kia... Nhưng đêm nay, chúng ta thành con cào cào, châu chấu ở đâu đó, chỉ có trời mới biết. Bé mọn như vậy. Đêm nay chúng ta đang làm một bác sĩ, nhưng khuya nay chúng ta có thể sẽ xuống cống để đi vào bụng một con chuột cái, vài tháng sau ta thành một con chuột con tha từng miếng bông gòn máu chảy ròng ròng... các vị có tin chuyện đó không? 1:19:10

[15/11/2023 - 08:30 - ngoc\_ngopham]

Ngày trước tôi ở Gò Vấp, chỗ rạp Đông nhì. Chiều chiều, từ Già lam đi ra tôi nhìn bên dưới, dưới công nước trong vát, tôi thấy mấy con trùn chỉ nhìn giống như bánh hỏi. Ở đây có ai biết không? Bây giờ, người ta vớt, bán cho mấy người chơi lia thia. Tôi nhìn, lạnh xương sống, “Mình mà chui vô đó, trời biết, bà con trên đây chông mông hồi hương”. Có một thời gian dài tôi không dám ăn bánh hỏi.

Đức Phật dạy, khả năng cao nhất của một con người, không phải là khả năng kiếm tìm mà là khả năng lia bỏ. Kiếm tìm cái gì? Kiếm tìm nhan sắc, tiền bạc, tiếng tăm, công đức, trí tuệ. Nhưng trên tất cả những khả năng đó chính là khả năng lia bỏ. Muốn lia bỏ phải làm sao? Ta phải có mới lia.

Như có câu chuyện, cô giáo hỏi học trò “Muốn cô tha lỗi các em phải làm gì?”. Học trò trả lời “Dạ, phải phạm lỗi trước.” Câu đó là nói mẹo.

Khả năng cao nhất của một chúng sanh không phải là khả năng kiếm tìm mà là khả năng lia bỏ. Nghe câu này, mình cứ tưởng Đức Phật bảo mình ‘kiếm tìm’, không phải. Ngài dạy chúng ta phải ‘kiếm tìm’ rồi ‘lia bỏ’. Có đúng vậy không? Tôi nhắc lại một lần nữa, khả năng cao nhất của một chúng sanh không phải là khả năng kiếm tìm mà là khả năng lia bỏ. Khi nghe câu này, ta hiểu như thế nào? Có phải Đức Phật phủ nhận khả năng kiếm tìm không? Bởi vì anh muốn lia bỏ, anh phải có cái gì chứ. Khi anh muốn khả năng lia bỏ, anh phải biết bố thí, biết tri giới, biết tu thiện, cung kính, phụng vụ, hồi hương,... Tuy nhiên, đó là khả năng bậc 1. Khả năng 2 đó là khả năng lia bỏ. Nói theo Tứ niệm xứ, hành giả không vì quả của thiện mà để tâm tham xuất hiện; hành giả không vì quả của bất thiện mà để tâm sân xuất hiện.

Đời sống của chúng ta chỉ có bốn thứ: thiện, ác, buồn, vui. Thiện đời này là nhân vui cho đời sau; ác đời này là nhân khổ cho đời sau; vui đời này là quả của thiện đời trước; buồn đời này là quả của ác đời trước. Biết được như vậy, hành giả Tứ niệm xứ không để quả xấu của đời trước làm nhân của tâm sân đời này; không để quả lành của đời trước làm cơ sở cho tâm tham của đời này. Cho nên hành trình Tứ niệm xứ là sống vật lộn, đối mặt với nhân, quả. Suốt cả ngày, phải luôn tâm niệm, “tôi không để quả ác đời trước làm nhân cho tâm sân đời này, tôi không để cho quả thiện đời trước làm nhân sanh cho tâm tham đời này.”

Ăn được bữa ăn ngon đó là quả lành của đời trước. Ngồi gồng mình ở chỗ không có máy lạnh là quả khổ của đời trước. Có nhiều người không đồng ý với tôi, họ nói tại sao đó là quả khổ? Tại sao có những người ở thời điểm này họ bị nóng gần chết, có người bị lạnh công, có người lại được mát rất dễ chịu.

Trong thời bốn tháng gần đây, chúng tôi sống ở các vùng có khí hậu khác nhau. Trước ngày về đây, chúng tôi ở chỗ coi như mình ló ra chỗ nào lạnh ngắt chỗ đó. Tôi về đến đây, ló ra chỗ nào nóng giộp chỗ đó, đen chỗ đó. Tôi nhớ có lúc tôi về Miền điện, Phật tử hỏi tôi “Bên đó có vui không Sư?”, tôi trả lời “Rất vui. Cái gì cũng có, chỉ thiếu một vàng trắng.” Họ hỏi tại sao. Tôi nói “nếu có trắng là tôi thành Bao công.” Các vị biết, có thời điểm khi ra đường, tôi phải tháo kiếng ra lau mặt liên tục, nóng lắm. Cho nên cũng do duyên nghiệp, chúng ta sanh vào chỗ nóng hay chỗ lạnh.

Nếu tôi dừng lại ở đây, bà con sẽ hơi ngờ ngợ nên tôi sẽ nói thêm để bà con tin. Bà con có tin rằng do nhiệt độ mà cây cỏ, đất đá, thổ nhưỡng, động vật, thực vật ... ở đó khác với xứ lạnh, đúng không? Thực vật, động vật ở xứ nóng có một tác động nhất định lên cơ thể của mình so với ở xứ lạnh, đúng vậy không? Khi nói đến đó, các vị thấy ở xứ nóng hay xứ lạnh cũng do

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

nghiệp. Chính vì tôi ở xứ nóng nên cơ thể, cấu trúc sinh học của tôi khác với người xứ lạnh. Và vì tôi ở xứ nóng nên thức ăn, đồ uống cũng khác với xứ lạnh. Đồ xứ nóng nuôi người ở xứ nóng mới tạo ra não trạng của người xứ nóng. Cách suy nghĩ của người xứ nóng khác với suy nghĩ của người xứ lạnh nhiều lắm. Ví dụ như người xứ lạnh họ thông thả, kiên nhẫn, và thường rất chậm. Còn người xứ nóng rất là nhanh lẹ, nhiệt huyết và thường nóng tính. Tức là có các lý do, một là nhiệt độ bên ngoài, hai là thức ăn, ba là do gene sinh học ở trong. Không phải ngẫu nhiên chúng ta sinh ra ở xứ nóng hay xứ lạnh, đó là do tiền nghiệp. Vì thức ăn ở xứ nóng mới tạo ra những phản ứng sinh học trong cơ thể của mình, vì thức ăn ở xứ lạnh tác động lên những mô sinh học của mình cho nên mình mới có những nếp nghĩ khác nhau. Vì suy nghĩ của chúng ta khởi đi từ cảm xúc và cảm xúc khởi đi từ thân kinh, máu huyết trong người của mình và những thứ đó khởi đi từ di truyền sinh học cộng với khí hậu, thời tiết ... chung quanh.

Vậy nên, mỗi người trong chúng ta nên tâm niệm điều này: mỗi người chúng ta từng phút từng giây đang nuôi dưỡng những hạt giống thiện ác, từng phút từng giây ta đang xây dựng chỗ ở sau này cho chính mình.

Hành giả nghĩ đến chỗ này không dễ duôi nữa, vì sao. Vì có ba lý do ta phải giữ chánh niệm liên tục, liên tục và liên tục. Một, mình không biết mình có thể đắc Đạo lúc nào nên khi mình thất niệm là có thể bỏ qua cơ hội đắc Đạo. Hai, mình không biết mình sẽ chết lúc nào. Ba, mình không biết mình sẽ tạo nghiệp gì trong mấy phút giây sắp tới. Mặc dù hành giả gồm có ba hạng: bậc hạ, bậc trung và bậc thượng. Bậc hạ là hành thiền theo đồng hồ, ngồi bao nhiêu, đi bao nhiêu, hết giờ rồi là muốn làm gì là làm. Bậc trung là ngồi bao nhiêu, đi bao nhiêu sau đó làm toàn việc thiện, như tụng kinh... nhưng trong lúc làm có thể phóng dật. Nhưng bậc thượng thì không, không có giờ giấc gì cả, sáng đến giựt mình lúc nào là chánh niệm liên tục cho đến đêm.

Tôi không phải thiền sư, cũng không phải là hành giả. Nhưng ở bài giảng vừa rồi ở Hà nội, tôi có xác định một điều, đó là hạnh phúc thật sự chỉ có người nào hiểu được hạnh phúc là gì và đau khổ là gì. Tôi đã định nghĩa rồi: Hạnh phúc là có được cái mình thích, đau khổ là do có cái mình ghét, thích là do tiền nghiệp, ... ghét là do tiền nghiệp...

Người hiểu được điều đó, họ không còn tha thiết trốn chạy cái gì và theo đuổi cái gì. Vì sao vậy? Vì khi ta có ý theo đuổi cái gì, ta sẽ thấy nó lâu đến, mau đi; khi ta muốn trốn chạy cái gì ta thấy nó mau đến và lâu đi; khi ta kiếm tìm cái gì, ta thấy nó lâu đến và mau đi.

Còn người không hiểu được điều đó, luôn sống trong sự mong đợi. Ngồi thiền lâu quá, mong thiền sư gõ chuông; ngồi nực, không có gió, mong có gió đến; ngồi sợ người ta chú ý, mỗi giờ không dám trở giờ vì sợ quê. Tôi sợ nhất trên đời ngồi thiền trong đám đông, nhúc nhích thì nhục, không nhúc nhích thì nhọc... Không có gì khổ bằng ngồi cho người ta ngắm...

Như câu chuyện anh lính già trên đường về quê sau một đời lưu lạc chốn biên thùy, có một đám cướp xông ra hành hung anh lính. Lúc đó có một ông tiên râu tóc bạc phơ xuất hiện, cầm cái phát quơ một cái, đám cướp bay hết xuống ruộng. Anh lính mừng quá, quì sụp xuống lạy ông tiên: “Lạy ông đã cứu mạng con.” Ông tiên đáp: “Ta không phải là tiên gì cả, ta là ông thánh bia, ngày xưa trên thao trường, ngươi là tên lính duy nhất bắn hoài không trúng ta...” Kể cho các vị đỡ buồn ngủ.

Tôi muốn nói rằng, không có gì khổ trên đời này bằng phải ngồi yên cho người ta nhìn. Tôi không hiểu tại sao người ta háo danh đến mức muốn trở thành người nổi tiếng. Tôi nhớ có một vị Thượng tọa nói rằng trên đời không có ai sướng bằng tên có tiền mà vô danh. Cho nên không có một điều gì ngu xuẩn bằng trở thành một tên cho người khác nhìn.

Tôi trở lại, khi hành giả tu tập thiền định có lòng trốn chạy cái gì sẽ thấy nó mau đến và lâu đi; khi hành giả có lòng muốn kiếm tìm cái gì sẽ thấy nó lâu đến và mau đi. Kinh nghiệm thiền quán nằm ở chỗ đó. Đau ở đây có hai. Có thiền sư cho rằng, ráng chịu đau để mai này trên giường chết, khả năng chịu đựng lớn hơn. Có thiền sư nói ngược lại, đau mà không cho họ đổi, họ bỏ đi luôn. Nhưng có một ý kiến thứ ba và tôi đồng ý tiếp tục chịu đau đến mức không chịu nổi thì nhớ rằng xưa nay chưa có hành giả nào chết vì đau. Chứ cấm đau mà nhịn thì phải kiếm một cái lý thuyết nào đó để mình gặm. Nên nhớ là có những hành giả nói đau như sản phụ sinh con, có người nói

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

đau như chẻ xương, có người nói cơ thể mình như cái khăn tắm bị người ta vắt, đau lắm. Ở đây có ai bị không?

Khi mình sống phóng dật mấy chục năm, mình không ngờ rằng thân mình là một nhà máy hoạt động ráo riết và nhộn nhịp suốt ngày đêm. Khi quý vị sống chánh niệm, lắng sâu, một phút, hai phút, mười phút, mười lăm phút, hai mươi phút... các vị sẽ nhận ra nhiều điều thú vị. Các vị sẽ nhận ra đó là một nhà máy hoạt động rất ráo riết và rất nhộn nhịp, đưa thì bơm máu, đưa thì lọc chất độc, đưa thì tải dưỡng tố đi chỗ này chỗ kia,... đủ thứ trong đó. Ở đây, quý vị có bao giờ nghe ông siêu âm chưa? Đề ông siêu âm vô người nghe nó như nhà máy xi măng Hà tiên, rầm, rầm, rầm, rầm, như mấy chục cái máy xay xát lúa trong người mình.

Người thất niệm không bao giờ thấy được cơ thể mình là một nỗi khổ. Chính người sống chánh niệm, khi lắng xuống mới thấy được tâm mình luôn luôn sinh diệt, và thiện, ác tiếp nối sinh diệt và ác nhiều hơn. Chưa hết, khi hành giả sống chánh niệm, lắng tâm để theo dõi và sẽ thấy rằng thân này là một gánh nặng thật sự, không có sung sướng như mình nghĩ. Mình thấy sung sướng chẳng qua mình khóa lấp nó bằng vô số điều kiện. 1:33:42

[22/11/2023 - 02:50 - ngoc\_ngopham]

Cho nên trong Kinh có nói, vì đâu ta không thấy được vô thường? Là vì ta liên tục bị ám ảnh bởi những sự kết nối, Pali gọi là Santati sañña, Iriyapatha, Khana sañña. Tại sao mình không thấy được Tam tướng - Vô thường, Khổ, Vô ngã?

Cái thứ nhất gọi là Santati sañña. Santati có nghĩa là ‘sự tiếp nối’. Ví dụ như mình thấy thằng Tèo được bông trông nó đỏ tươi; sau đó một tuổi rồi hai tuổi nó không đòi mẹ mà dùng nắm cao su; rồi nó ăn cơm nghiền, dùng bình; rồi nó biết chạy, biết đi; từ đó cho đến năm 70 tuổi. Mình gọi nó là thằng Tèo, lớn lên là cậu Tèo, cuối cùng là ông Tèo. Mình thấy một sự nối tiếp liên tục nhưng thật ra mình không hề ngờ rằng đời sống này không phải là một cái ‘line’ liên tục mà là những cái ‘dots’. Một ví dụ khác, cái bàn này dài 1m2, cao 8 tấc nhưng trong bản chất rất ráo không có cái gì là 1m2 và 8 tấc hết mà chỉ là những cái ‘đất’, ‘nước’, ‘lửa’, ‘gió’ tạo thành. Mà ‘đất’, ‘nước’, ‘lửa’, ‘gió’ làm gì có trong trọng lượng và kích thước, nó chỉ là những trạng thái thôi. Bản chất của chân đế làm gì có chiều dài và trọng lượng, nó chỉ là trạng thái thôi. Giống như niềm vui, nỗi buồn, nỗi khổ, niềm đau làm gì có trọng lượng, kích thước. Cho nên trong quan sát của một hành giả, của một người có học A-tỳ-đàm, không có kích thước, trọng lượng, vì nó thuộc về Hình chế định, không có kích thước, không có trọng lượng, không có chiều không gian thứ 3, thứ 4. Nhưng chính vì không biết những khái niệm đó, cho nên chúng ta mới nhìn cái bàn này ở góc độ dài 1m2, cao 8 tấc.

Có một vị Thiền sư, khi được hỏi “Thưa Sư phụ, thế nào là Tinh hoa của Phật Pháp?” Vị thiền sư liền lấy một cây que, kéo một đường trên đất và hỏi lại “cái đường vạch này dài hay ngắn?” Làm sao mình trả lời được là ‘dài’ hay ‘ngắn’ khi chỉ có một đường thôi, phải có cái thứ hai chứ.

Nhưng vấn đề nằm ở đây? Tại sao chỉ có một đường vạch như vậy lại là Tinh hoa của Phật Pháp? Là bởi chỗ này, chúng ta khổ là vì chúng ta trốn khổ tìm vui. Vì tiền nghiệp mà ta thích cái này, thích cái kia. Có được cái mình thích mình gọi là vui, có cái mình ghét mình gọi là khổ. Do có phân biệt ‘thích’ và ‘ghét’ nên mới có ‘tham’ và ‘sân’. như vậy nếu không có sự so sánh này, làm gì có phiền não. Người có huệ căn khi nghe vị Thiền sư sẽ hiểu, còn ai trì căn sẽ rất khó hiểu. Vì đâu có ‘ghét’, có ‘thương’? Là vì có sự so sánh. Khi ta yêu một người chợt, ta sẽ thấy thiên hạ như một con mắt. Khi thương ai rồi, cái mùi của họ ta cũng thương. Thích cái gì sẽ thấy nó là số một, ghét cái gì sẽ thấy nó là zero. Đời sống là một sự so sánh.

Cho nên chuyện đầu tiên, tại sao ta không thấy được vạn hữu là vô thường? Là vì ta bị ám ảnh bởi hình thức liên tục của chúng. Thấy cái này dài, cái kia ngắn, cái này vuông, cái kia tròn, hình bình hành, hình tam giác...đó là sự ám ảnh của sự liên tục những gì mình thấy. Như ta thấy chuyến đi vừa rồi vui quá, chuyến đi ba ngày vui quá. Nhưng khi chúng ta hiểu không hề có ‘ba ngày vui’ mà ‘cái vui ba ngày’ đó là sự ghé nối liên tục của những giây phút rồi rạc. Có lúc

## LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐỈNH – XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN

chậm, có lúc nhanh, có lúc vui, có lúc buồn ngủ, có lúc ăn cay,... nhưng nhìn tổng quát là ba ngày vui. Đâu phải ‘honey moon’ là lúc nào cũng trăng mật, có cái mật gấu nữa.

Nên chuyện đầu tiên ta không thấy được sự vô thường của vạn vật là do bị ám ảnh bởi những giả lập của sự liên tục thay vì phải quán chiếu thấy được đời sống là một chuỗi dài của những sự ghép nối rời rạc. Hãy ghi nhớ cái này.

Cái thứ hai, vì đâu ta không thấy thân này là khổ? Cái thứ hai là Iriyapatha. Tôi đã nói rồi, đời sống này vốn dĩ không có hạnh phúc mà chỉ có giải pháp thôi. Khi mình đau quá, mình mỏi quá, mình đói tư thế, mình xoa cho bớt đau. Cái ‘đã’, cái ‘bớt đau’ đó là giải pháp chứ không phải hạnh phúc. Trông đợi lâu quá, mình nhớ nên khi gặp mình gọi là hạnh phúc. Không, cái ‘gặp’ đó gọi là giải pháp. Ngứa quá, gãi có cảm giác ‘đã’ là giải pháp. Chính vì mình liên tục đi tìm giải pháp nên không có cơ hội thấy đời này là khổ. Chỗ này sâu vô cùng. Cho nên có những vị Thiên sư thấy rằng khi ngồi thiền bị đau, cứ ngồi để xem nó đau cỡ nào. Nhưng có những vị này lại nghĩ, nếu đau quá hãy đổi tư thế và biết rằng ta đang thay đổi.

Cái thứ ba là Khana sañña. Tại sao ta không thấy được thế giới này là vô ngã?

Vô ngã là gì? Trước khi học Đạo, mình nghĩ có một cái ‘tôi’, mình nghĩ mọi thứ là một cái gì đó, là ‘something’, ‘somebody’. Nhưng khi học Đạo rồi, ta cảm nhận tất cả chỉ là sự ghép nối. Trên đời này, không hề có một cái gì đơn thuần là một ‘món’ thôi. Tôi nhắc lại, không hề có chiếc xe trong đồng phụ tùng vì phải ráp đồng phụ tùng đó, nó mới có chiếc xe.

Tôi muốn nói một điều là Vô ngã là gì? Vô ngã là tất cả những thứ trên đời này đều là đồ ráp. Tôi muốn cho các vị thấy mình họa là không hề có chiếc xe trong đồng phụ tùng. Không hề có một ông A, bà B nào trong khối đất, nước, lửa, gió, buồn, vui, thiện, ác này - 8 thứ này cộng lại ra ông A, bà B.

Dĩ nhiên hôm nay trong thời lượng 2 giờ đồng hồ, với những ai chưa từng học A-tỳ-đàm, chưa từng tu tập Vipassana, chỉ nghe những gì chúng tôi trình bày, tôi e rằng chưa đủ để quý vị thay đổi được não trạng của mình, thay đổi nhận thức của quý vị về thế giới, về cuộc đời chung quanh. Tuy nhiên, nếu có hành trì, tôi tin rằng chừng đó thôi cũng là quá nhiều để hiểu thế nào là hạnh phúc, thế nào là đau khổ. Lý do tại sao chúng ta phải sống chánh niệm? Tôi nhớ là chiều này tôi đã nói rất nhiều rồi.

Nội dung của bài Kinh này là gì?

Nội dung một: đời sống không thể thiếu niềm tin, nhưng niềm tin ấy phải được xác tín trên cơ sở trí tuệ.

Thứ hai, hình thức và nội dung phải tương đồng nhau. Cái nét đánh chết cái đẹp, đừng để cái đẹp đè bẹp cái nét. Cho nên trong Đạo Phật về đẹp tinh thần trước về đẹp thể xác sau. Còn tinh thần không đẹp mà thể xác đẹp thì thế nào?

Trong tướng số học có một câu “Tướng tự tâm sinh, tướng tùy tâm diệt”, quý vị có biết câu đó không? “Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sinh. Hữu tướng vô tâm, tướng tùy tâm diệt.” - “Có tâm lành nhưng không có tướng đẹp, tướng đẹp sẽ tự sinh. Không có tâm lành chỉ có tướng đẹp, tướng đẹp đó rồi sẽ tự mất.”

Trong tướng số còn có khái niệm “Tướng thanh và tướng trọc”. Có những người nhìn thì đẹp nhưng ấn tượng của họ là tướng ‘phá’. Các vị hiểu không? Đó được gọi là tướng trọc trong cái thanh. Còn tướng thanh trong cái trọc là những người nhìn họ rất là thường nhưng họ có tướng ấn.

Ví dụ như có một ông tỉ phú người Tàu ở Thượng hải, ông giàu nhưng xấu. Hôm đó ông mời một ông tướng số đến coi tướng cho ông và người nhà. Hai ngày trời, ông tướng số nhìn ông tỉ phú và thầm nghĩ, ông này có tướng xấu quá không làm ăn may mới lạ, mà sao mấy chục căn phố, mấy bến tàu ông nắm hết. Ông tướng số tức lắm, không lẽ về đốt hết sách. Đến ngày thứ ba, chuẩn bị khăn gói từ biệt chủ nhà ra đi, ông mới phát hiện ra một chuyện, đó là ông này khi đang đi, có ai kêu ông, ông không quay đầu mà ông xoay nguyên người. Đó là tướng quý của đại nhân.

Một trường hợp khác cũng y như vậy là một ông tỉ phú ở Bắc kinh rất giàu nhưng tướng rất là bình thường. Ông thầy tướng số tìm hoài không ra tướng quý của ông. Đến ngày kia, sắp sửa về



## LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

đốt sách, ông mới đi ngang hậu viện của cái vila ông tỉ phú, ông mới phát hiện ông tỉ phú đọc sách rồi ngủ quên, cuốn sách rớt dưới đất. Dưới con mắt nhà nghề của ông, ông nhìn và hiểu thì ra ông tỉ phú này có một cái tướng trong tướng số gọi là ‘quy túc’, ngủ và thở như rùa, nằm yên như xác chết, không nhúc nhích.

Câu chuyện tướng số thứ ba, vào năm 1936, có một ông tướng số đang ăn há cảo trong tiệm - lúc đó dân Trung quốc đang chạy loạn khi Nhật tấn công Nam kinh. Khi đang ăn trong tiệm, ông tướng số nhìn thấy một người đàn ông đi ngang, dưới con mắt nhà nghề, ông nhìn và bỏ đũa liền. Ông nói, đây là lần đầu tiên ông nhìn thấy một ông vua trong hình dạng một người ăn mày. Cả đời làm tướng số, chưa bao giờ ông gặp một chân mạng đế vương thiên tử trong hình hài một người ăn mày, không biết người này là ai. Ông liền chạy theo, và nắm áo của người đàn ông đó, người đàn ông hỏi “Có chuyện gì không?”. Ông tướng số trả lời “Xin lỗi cụ, tôi là thầy tướng số. Vì lần đầu tiên trong đời, tôi gặp một người như cụ, tôi sẵn sàng đãi cụ ăn và uống bất cứ gì. Tôi chỉ xin hỏi cụ ba câu.” Người đàn ông đồng ý vào ăn và nói là “nói nhanh vì tôi còn chạy giặc.” Ông tướng số liền hỏi: “Thứ nhất, cụ sống ở đâu, làm nghề gì? Thật sự là tôi làm nghề tướng số, tôi thắc mắc tại sao cụ có tướng đế vương mà lại có tướng ăn mày?” Ông cụ cười và mở nón ra, ông không có tóc, ông có trong tay 15 ngôi chùa, mỗi ngôi chùa có cả trăm mẫu ruộng nhưng đều của Tam bảo, hàng vạn đệ tử tín đồ. Vì trụ trì 15 ngôi chùa nên ông có tướng đại gia, tướng đế vương nhưng vì đều của Tam bảo, ông chỉ coi giùm nên ông có tướng ăn mày.

Tôi trở lại vấn đề, hình thức và nội dung phải đi đôi với nhau. Chỉ lo hình thức, không lo nội dung, chúng ta chỉ là cái lồng đèn giấy thôi.

Và điều quan trọng nhất của Đạo Phật là khả năng cao nhất của một chúng sanh phàm phu không phải là khả năng kiếm tìm, khả năng thành tựu hay sở hữu mà chính là khả năng lìa bỏ và nhàm chán. Câu này phải xăm lên mình. Vì sao vậy? Vì anh phải có khả năng lìa bỏ, anh mới có được cái khác cao hơn.

Ở trong kiếm hiệp, có một câu chuyện tôi rất thích. Ngày Thầy tiễn trò xuống núi sau khi đã học xong khóa học. Thầy nói thế này: “Chúng ta là con nhà võ, chinh phục thiên hạ bằng nắm đấm. Nhưng con phải nhớ, khi con nắm bàn tay lại, cái con có được chỉ là một vốc. Khi con buông bàn tay ra, con mới cầm được cái lớn hơn.” Câu này ý nghĩa rất sâu.

Đạo Phật cũng vậy, trên đời này Đức Phật cái gì cũng có vì cái gì Phật cũng bỏ hết. Còn chúng ta không có vì cái gì ta cũng ôm hết. Phật cho được cái khó cho, nhận được cái khó nhận, làm cái khó làm nên có được cái khó được. Còn ta thì cho cái khó xài, nói cái khó nghe nên thành người khó ưa.

Xin các Sư cô hồi hướng.